
TRAO ĐỔI

Chế định công nhận trong luật quốc tế

Lê Văn Bình*, Phan Văn Mạnh

Khoa Luật, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 09 tháng 12 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 2 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 3 năm 2016

Tóm tắt: Bài viết này sẽ phân tích và bình luận về các vấn đề: i) về các thực thể được thành lập vi phạm các quy phạm và các nguyên tắc của luật quốc tế; ii) một thực thể sẽ nhận được sự công nhận pháp lý quốc tế khi nó được thành lập phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm pháp luật quốc tế; iii) khi một lãnh thổ ly khai hay tự xưng mà xuất hiện trên lãnh thổ của một quốc gia, dưới bất kỳ phương thức nào, thì quốc gia đó có toàn quyền loại bỏ thực thể như vậy vì đã xâm phạm nguyên tắc toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Đây là một vấn đề luôn có tính mới, cần nghiên cứu, đặc biệt hiện nay đang có sự xuất hiện nhà nước ly khai và tự xưng (IS) trái với quy định của luật quốc tế.

Từ khóa: Chế định công nhận, công nhận quốc gia, công nhận sớm, công nhận muộn, tiêu chí công nhận.

1. Đặt vấn đề

Chế định công nhận quốc gia có liên quan trực tiếp đến sự thay đổi trong trật tự pháp lý quốc tế và đặc biệt là sự thay đổi chủ thể luật quốc tế. Chế định này cũng có quan hệ mật thiết với yếu tố chính trị, nội dung của nó cũng thay đổi tùy thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể trong quan hệ quốc tế.

Một trong những đặc điểm nổi bật của các quan hệ quốc tế thời đại toàn cầu hóa hiện nay là việc mở rộng các quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Hành vi công nhận đơn phương của quốc gia đối với một quốc gia mới xuất

hiện chính là cơ sở pháp lý cho sự hợp tác nói trên và cũng là nguyên nhân dẫn đến tính thời sự của vấn đề công nhận trong luật quốc tế đương đại.

Chính vấn đề công nhận quốc gia mới đã nâng cao sự hiện diện của nhà nước tự xưng (ví dụ, Islamic State, IS), ly khai, hay chính phủ “bù nhìn”. Việc đưa ra hành vi công nhận là thẩm quyền riêng của mỗi quốc gia vì quốc gia có quyền độc lập trong quan hệ đối nội và đối ngoại, là tính đặc quyền duy nhất của các quốc gia có chủ quyền, nhưng đôi khi sẽ đụng chạm đến nguyên tắc toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia khác và khi đó hành vi công nhận sẽ vi phạm pháp luật quốc tế.

Nghiên cứu chế định công nhận trong luật quốc tế là cần thiết vì chế định này đã tồn tại trong thực tiễn quan hệ quốc tế, nhưng đến nay

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-4-37548514
Email: binhlevan1962@gmail.com

vấn đề này không có sự đồng thuận trong học thuyết pháp lý quốc tế trên cả hai bình diện: định tính và định lượng, chế định này cũng chưa được hệ thống hóa (chủ yếu là quy phạm tập quán quốc tế) hay chưa được quy định cụ thể trong một điều ước.

Việc nghiên cứu chế định này sẽ giúp chúng ta hiểu biết sâu sắc thêm về giai đoạn cuối của sự xuất hiện một thực thể mà không nhận được sự công nhận từ các quốc gia khác, về bản chất thực thể đó có thể là nhà nước tự xưng (ví dụ như IS), ly khai, hay một lãnh thổ nào đó v.v... có tham vọng giành được quy chế quốc gia độc lập – chủ thể của luật quốc tế đương đại.

Bài viết này sẽ đề cập đến một số khía cạnh về lý luận của hành vi công nhận đơn phương trong luật quốc tế. Trên cơ sở phân tích các tiêu chí công nhận quốc gia, sẽ xem xét các vấn đề liên quan đến thuật ngữ công nhận trước và sau đối với một thực thể mới, đưa ra kết luận về tính hợp lý của việc công nhận thuật ngữ này. Chế định công nhận quốc gia đã hình thành và được ghi nhận trong học thuyết của luật quốc tế cổ điển, và hiện nay đang tiếp tục được sử dụng trong các ấn phẩm pháp lý quốc tế đương đại. Do vậy, công nhận quốc gia mới luôn có tính chất thời sự, cần được nghiên cứu để phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và cho độc giả quan tâm.

2. Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn công nhận quốc gia¹

Công nhận pháp lý quốc tế gồm có các loại cơ bản, như: công nhận quốc gia; công nhận chính phủ; công nhận bên tham chiến; công nhận dân tộc đang đấu tranh vì độc lập dân tộc; công nhận tổ chức kháng chiến. Nếu theo tiêu chí về thời gian, công nhận có thể bao gồm: công nhận sớm và công nhận muộn.

¹ Đọc thêm: Giáo trình Công pháp quốc tế. Khoa Luật ĐHQGHN, NXB ĐHQG Hà Nội, 2014, tr.128-135 (do PGS.TS. Nguyễn Bá Diễn làm chủ biên); Giáo trình Luật quốc tế. Trường ĐHL Hà Nội, NXB CAND, 2004, tr.65-72 (do TS. Lê Mai Anh làm chủ biên).

Công nhận sớm là việc công nhận một thực thể trước khi nó có đầy đủ các yếu tố của một quốc gia theo quy định của Công ước Montevideo năm 1933². Tuy nhiên, theo chúng tôi, ngày nay nếu chỉ cần dựa vào các yếu tố của Công ước này là chưa thuyết phục, vì có quốc gia độc lập trên thực tế, nhưng lại không được quốc tế công nhận; hoặc có nhà nước đã được công nhận rộng rãi một cách chính danh, nhưng chính phủ không có đủ quyền hạn. Ví dụ như, Đài Loan đã hội tụ đủ các yếu tố mà Công ước Montevideo năm 1933 quy định cho một thực thể là quốc gia, được Tòa Thánh Vatican và 24 quốc gia công nhận, có quan hệ quốc tế trên thực tế với nhiều quốc gia khác, nhưng Đài Loan chưa phải là chủ thể luật quốc tế³; hoặc có quốc gia độc lập nhưng lại không được cộng đồng quốc tế thừa nhận như: Abkhazia⁴, Bắc Kibris (riêng nước này được duy nhất Thổ Nhĩ Kỳ công nhận), Nagorno-Karabakh⁵, Nam Osetia⁶, Somaliland⁷, Transnistria và Kosovo (nước này được phần lớn các quốc gia phương Tây công nhận⁸); hoặc có quốc gia được cộng

² Theo điều 1 Công ước Montevideo năm 1933 (Montevideo Convention on the Rights and Duties of States), quốc gia cần có các yếu tố cơ bản: có dân cư thường xuyên; có lãnh thổ xác định; có chính phủ hợp pháp; và có năng lực tham gia quan hệ quốc tế với các chủ thể khác (Công ước có hiệu lực ngày 26/12/1934, và đã được đăng ký trong Tuyên tập các điều ước của Hội quốc liên ngày 08/01/1936).

³ Điều 31 của Hiến pháp Trung Hoa ghi nhận rằng mỗi khu vực hành chính như Hong Kong, Ma Cao hay Đài Loan vẫn duy trì hệ thống chính trị riêng với các vấn đề pháp lý, kinh tế và tài chính, bao gồm cả lĩnh vực ký kết các hiệp định với nước ngoài sẽ còn được hưởng một số quyền nhất định.

⁴ Theo LHQ, Abkhazia không phải quốc gia độc lập từ Gruzia. Abkhazia được Nga, Nicaragua, Venezuela, Nauru và 2 quốc gia không phải thành viên LHQ khác là Nam Osetia và Transnistria công nhận.

⁵ Theo LHQ, Nagorno-Karabakh không phải quốc gia độc lập từ Azerbaijan.

⁶ Theo LHQ, Nam Osetia không phải quốc gia độc lập từ Gruzia. Nam Osetia được Nga, Nicaragua, Venezuela, Nauru và 2 quốc gia không phải thành viên LHQ khác là Abkhazia và Transnistria công nhận.

⁷ Theo LHQ, Somaliland không phải quốc gia độc lập từ Somalia.

⁸ Theo LHQ, Kosovo không phải quốc gia độc lập từ Serbia. Kosovo được 72 quốc gia thành viên của LHQ và

đồng quốc tế thừa nhận, nhưng thực tế không độc lập, ví dụ như: Palestine⁹ và Tây Sahara¹⁰ và như vậy cũng chưa thể là chủ thể luật quốc tế hoàn chỉnh.

Công nhận muộn là việc công nhận một quốc gia được thực hiện sau một khoảng thời gian kể từ khi quốc gia đó đã có đầy đủ các yếu tố của một chủ thể luật quốc tế¹¹.

Trong các công trình khoa học pháp lý quốc tế, vấn đề công nhận sớm thường ít nhận được sự chú ý của các nhà khoa học. Có một số tác giả xem xét một vài khía cạnh về công nhận sớm [1, 2], nhưng họ lại không đưa ra một định nghĩa rõ ràng về khái niệm công nhận sớm, không luận chứng về ý nghĩa pháp lý của nó, cũng như không giải thích rõ ràng hệ quả pháp lý quốc tế của hành vi công nhận sớm. Công nhận sớm cũng được đề cập đến trong các học thuyết cổ điển trước đó [3-5] và các công trình khác muộn hơn [6-8]. Các công trình này đã lý

giải hành vi công nhận sớm trên cơ sở có tính đến sự thay đổi đã diễn ra trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

Vấn đề công nhận liên quan đến khả năng xuất hiện quốc gia và sẽ phức tạp hơn khi công nhận quốc gia mới được hình thành từ một phần lãnh thổ được tách ra từ một quốc gia đang tồn tại (gọi là *mẫu quốc - parent state*) hay từ sự sụp đổ của nhà nước liên bang.

Tách lãnh thổ do kết quả của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc là một hình thức làm xuất hiện quốc gia và là phương thức đặc trưng gắn với sự xuất hiện nhiều quốc gia ở các châu lục khác nhau. Ví dụ, trong thời kỳ phong kiến, như: Hoa Kỳ với Vương quốc Anh; Hà Lan và Bồ Đào Nha với Tây Ban Nha; hoặc trong thế kỷ XIX, việc tách thuộc địa Nam Mỹ từ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha; Bỉ từ Hà Lan; Hy Lạp từ Thổ Nhĩ Kỳ. Chúng ta biết rằng các cường quốc thực dân đương nhiên chống lại quá trình này, do vậy trong một thời gian dài các quốc gia đã tách ra độc lập nhưng không được công nhận. Ví dụ, Hà Lan tuyên bố độc lập năm 1576 và Bồ Đào Nha năm 1640, nhưng chỉ được Tây Ban Nha công nhận vào năm 1648 và năm 1668 [9]. Hoa Kỳ tuyên bố độc lập năm 1776 (từ 13 thuộc địa của Anh) và chỉ được Vương quốc Anh công nhận vào năm 1783; Bỉ tuyên bố độc lập vào năm 1830, nhưng Hà Lan chỉ công nhận vào năm 1839 [5].

Trong học thuyết của luật quốc tế đã đề cập đến giai đoạn xem xét công nhận là trước khi kết thúc chiến sự, các quốc gia công nhận cho rằng họ không đóng vai trò là quan tòa công bằng của cuộc nội chiến [5] và trong giai đoạn này, hành vi công nhận không bị coi là vi phạm luật pháp quốc tế. Có quan điểm cho rằng công nhận sớm một phần lãnh thổ, mà lãnh thổ đó đang còn đấu tranh với mẫu quốc để giành độc lập, là một hành vi không vi phạm luật quốc tế, nhưng là hành vi không có thiện chí đối với mẫu quốc [4]. Một số luật gia-luật quốc tế trước thế kỷ XX đã không coi hành vi công nhận sớm có liên quan đến luật pháp quốc tế, mà hành vi đó chỉ là hệ quả của hình thức quan hệ ngoại giao [3].

1 thực thể không phải thành viên LHQ là Đài Loan công nhận.

⁹ Tòa thánh Vatican thông báo chính thức công nhận nhà nước Palestine ngày 14/5/2015. <http://vov.vn/thegioi/toa-thanh-vatican-cong-nhan-nha-nuoc-palestine-400935.vov>; Palectin thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 19/11/1988. Hai nước đã ký: Hiệp định hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa và Khoa học-kỹ thuật (1990); Hiệp định Thương mại (1994); Hiệp định khung về hợp tác kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học- kỹ thuật, thể thao và du lịch (5/2010); Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Giáo dục hai nước (5/2010); Thỏa thuận hợp tác giữa thông tấn xã Việt Nam và cơ quan báo chí và truyền thông Palectin (5/2010).

¹⁰ Theo LHQ, Cộng hòa Dân chủ Ả Rập Sahrawi không phải chính phủ có chủ quyền ở vùng Tây Sahara, được 83 quốc gia thành viên LHQ, Liên hiệp châu Phi (trừ Maroc - quốc gia cũng tuyên bố chủ quyền ở Tây Sahara) công nhận.

¹¹ Ví dụ như năm 1979, Hoa Kỳ đã công nhận Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là đại diện duy nhất của toàn bộ Trung Hoa. Đến nay, Trung Hoa không được 22 quốc gia thành viên LHQ và Tòa thánh Vatican công nhận vì họ đã công nhận Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan); Từ 1954-1975, 84 quốc gia trên thế giới đã công nhận và đặt nền tảng bang giao với Việt Nam Cộng Hòa (Tài liệu của LHQ lưu chiếu tháng 2/1998, mục 3, tr.236); Đến hết tháng 12/1972, có 49 quốc gia đã công nhận và đặt bang giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Bühler, Konrad G. *State succession and membership in international organizations*. The Hague: Kluwer Law International, 2001. tr 68-92).

Đầu thế kỷ XX, các dân tộc ở các nước thuộc địa đã ý thức được quyền của dân tộc mình, dẫn tới sự gia tăng các phong trào giải phóng dân tộc, ví dụ như: Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Mông Cổ, Nam Phi, Syria, Iraq, Palestine, Iran, Afghanistan, Indonesia [10], Trung Hoa, Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Tiến trình giải phóng dân tộc đã làm cho vấn đề công nhận sớm có ý nghĩa pháp lý quốc tế và vì vậy đã được ghi nhận trong tài liệu pháp lý quốc tế, nó cũng là tiền đề để soạn thảo các tiêu chí cho hành vi công nhận sớm.

Công nhận sớm được hiểu là công nhận một phần lãnh thổ đã tách ra khỏi lãnh thổ mẫu quốc, nhưng đang tiếp tục đấu tranh cho sự độc lập của mình [8]. Có quan điểm cho rằng sự kiện kết thúc cuộc chiến được xem là tiêu chí cơ bản cho việc xác định tính kịp thời của hành vi công nhận [7]. Vấn đề này có các chính kiến khác nhau: i) khuyến nghị sau một khoảng thời gian nhất định từ khi kết thúc xung đột không nên đưa ra hành vi công nhận [9]; hoặc ii) hành vi công nhận sớm đối với quốc gia mới nên được mẫu quốc thực hiện đầu tiên và đó là tiêu chí công nhận kịp thời; hoặc iii) hành vi công nhận sự thay đổi lãnh thổ sẽ là hợp pháp chỉ trong điều kiện phần lãnh thổ thay đổi đó được công nhận bởi chính mẫu quốc của nó [6].

Một số nhà khoa học đã có cùng quan điểm khi cho rằng hành vi công nhận của mẫu quốc đối với phần lãnh thổ tách ra từ họ không phải là một tiêu chí bắt buộc để xác định tính kịp thời của hành vi công nhận. Ví dụ, quốc gia thứ ba có thể công nhận quốc gia mới mà không cần phải chờ hành vi công nhận trước từ mẫu quốc [8]; hoặc nếu có một sự công nhận như vậy từ mẫu quốc sẽ là minh chứng cuối cùng của sự kiện xác định tính độc lập của quốc gia mới [7]; hoặc việc công nhận một quốc gia mới trong các điều kiện như vậy không thể được coi là hành vi công nhận sớm [11].

Luật gia-luật quốc tế người Ý đã phủ định ý nghĩa pháp lý của hành vi công nhận sớm và cho rằng nguyên do về tính kịp thời của hành vi công nhận quốc gia mới thường nghiêng về chính trị nhiều hơn là về pháp lý [6]. Như vậy, đa số các nhà khoa học đều có chung nhận định

rằng hành vi công nhận sớm là một vấn đề pháp lý quốc tế, bởi vì hành vi đó là một sự can thiệp và có cũng nghĩa là vi phạm luật pháp quốc tế.

Vào khoảng giữa thế kỷ XX được xem là thời kỳ sụp đổ đối với chủ nghĩa thực dân, đã dẫn đến sự xuất hiện các quốc gia mới không chỉ nhiều về số lượng mà còn nhanh về thời gian. Ví dụ, năm 1943, Syria và Lebanon giành được chủ quyền quốc gia; Việt Nam và Indonesia giành được độc lập năm 1945; Jordan và Philippines năm 1946; Ấn Độ và Pakistan năm 1947; Miến Điện và Ceylon (từ năm 1972 là Sri Lanka) năm 1948; Trung Hoa năm 1949; Libya năm 1951; Campuchia năm 1953; Lào năm 1954. Trong khoảng thời gian từ năm 1956-1965, có 33 quốc gia tuyên bố độc lập ở châu Phi; Cuba giành được độc lập năm 1959; Síp (Cyprus) năm 1960; Jamaica năm 1962; Trinidad và Tobago năm 1962; Malta năm 1964 và rất nhiều quốc gia khác [10]. Đại hội đồng LHQ đã thông qua Tuyên bố (năm 1960) về trao độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa, trong đó đã nhấn mạnh về sự cần thiết phải chấm dứt chủ nghĩa thực dân ngay lập tức và vô điều kiện trên tất cả các khía cạnh cả về hình thức và biểu hiện của nó [12].

Trong các điều kiện nói trên, vấn đề tách các thuộc địa từ mẫu quốc và công nhận chúng là những quốc gia độc lập có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhưng giới luật gia-luật quốc tế còn có quan điểm khác nhau: i) các nhà khoa học Liên Xô (cũ) thì ủng hộ quyền công nhận ngay lập tức đối với các thuộc địa được tách ra từ mẫu quốc, phủ nhận cách đặt vấn đề về công nhận sớm; ii) một số luật gia-luật quốc tế phương Tây lại có quan điểm bảo vệ chủ nghĩa thực dân (bảo vệ mẫu quốc) và biện minh cho thực tiễn không công nhận quốc gia mới (là các thuộc địa) được tách ra từ mẫu quốc, đây là điều phổ biến ở các nước tư bản trong nửa sau thế kỷ XX [13].

Nếu chúng ta cho rằng tiêu chí kết thúc cuộc đấu tranh giành độc lập cần được sử dụng để xác định tính kịp thời và hiệu lực của hành vi công nhận, thì năm quốc gia: Tanzania, Gabon, Bờ Biển Ngà (Côte d'Ivoire), Zambia và Haiti đã công nhận nhà nước Cộng hoà tự xưng

Biafra (Republic of Biafra) vào năm 1968 là trái luật và vô hiệu, LHQ cũng không công nhận quốc gia này.

Vào nửa sau của thế kỷ XX, trong các văn kiện pháp lý quốc tế đã ghi nhận và phát triển các nguyên tắc về quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc; và sau đó là các nguyên tắc: toàn vẹn lãnh thổ, bất khả xâm phạm biên giới quốc gia, không sử dụng hoặc đe dọa vũ lực, không can thiệp vào công việc của các quốc gia khác. Việc nghiên cứu chi tiết về lý luận và thực tiễn áp dụng các nguyên tắc này đã làm cơ sở cho việc đánh giá tính hợp pháp của việc thành lập quốc gia và việc công nhận chúng.

Hành vi công nhận kịp thời đã được cộng đồng quốc tế đặc biệt quan tâm vào những năm 1990, vì đây là khoảng thời gian xuất hiện hơn 20 quốc gia mới. Có ý kiến nhận xét rằng nếu hơn hai chục quốc gia xuất hiện vào năm 1960 là kết quả của việc xóa bỏ chủ nghĩa thực dân, thì một số lượng quốc gia tương tự đã xuất hiện vào năm 1992, phần lớn là do sự sụp đổ của các quốc gia có chủ quyền [14], và vấn đề công nhận sớm lại vẫn có tính thời sự của mình.

Cần lưu ý rằng, liên quan đến vấn đề công nhận sớm, các tác giả đã không đưa ra định nghĩa về khái niệm này, không làm rõ ý nghĩa pháp lý của nó. Chúng tôi cho rằng việc sử dụng thuật ngữ này trong tài liệu pháp lý là vô căn cứ vì trong luật pháp quốc tế đương đại không có các tiêu chí mà dựa vào đó để có thể xác định tính kịp thời của hành vi công nhận.

Hành vi công nhận (phần lãnh thổ) chỉ được thực hiện sau khi mẫu quốc của nó đã công nhận ít được ghi nhận trong luật quốc tế cổ điển và nó cũng không có ý nghĩa pháp lý ngay cả trong quan hệ quốc tế đương đại. Ví dụ, hành vi công nhận các quốc gia vùng Baltic năm 1991 của Hoa Kỳ và các quốc gia EU là vội vàng [1]; hoặc hành vi công nhận Slovenia và Croatia là công nhận sớm, bởi vì điều đó đã trái với ý muốn của Nam Tư. Tuy nhiên, thật khách quan mà nhận xét rằng trong các công trình nghiên cứu (đã công bố) về công nhận quốc gia mới từ các quốc gia thứ ba, chúng ta thấy rất hiếm khi mà quốc gia-mẫu quốc lại đồng thuận đối với

hành vi công nhận sớm [11], mặc dù hành vi công nhận chỉ có ý nghĩa chính trị.

Tiêu chí kết thúc cuộc đấu tranh giành độc lập cũng không còn ý nghĩa, vì nó được hình thành vào thời điểm khi mà một cuộc chiến tranh bất kỳ được coi là cách thức hợp lệ cho mục đích chính trị và chính kết quả của cuộc chiến như vậy lại là thước đo cơ bản và hợp pháp cho sự thay đổi lãnh thổ. Trong luật quốc tế cổ điển đã không ghi nhận các nguyên tắc: bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc; toàn vẹn lãnh thổ; bất khả xâm phạm biên giới v.v... để dựa vào đó mà có thể đánh giá tính hợp pháp về sự xuất hiện, cũng như hành vi công nhận quốc gia mới.

Việc quy định những nguyên tắc nói trên trong luật quốc tế đương đại đã làm cho tiêu chí kết thúc chiến tranh như là tiêu chí tối thiểu và không thực sự thuyết phục khi công nhận một chủ thể mới. Chúng tôi cho rằng tiêu chí đó không còn ý nghĩa nếu quốc gia mới giành độc lập đã tuân thủ luật quốc tế trong quá trình thành lập quốc gia. Trong trường hợp này, cuộc đấu tranh của chính quyền trung ương nhằm kiểm soát lại phần lãnh thổ (đã tách độc lập) sẽ vi phạm nguyên tắc về quyền tự quyết, và theo quan điểm pháp lý hành vi công nhận của các quốc gia thứ ba cũng không thật sự cần thiết.

Nói một cách khác, các nguyên tắc về quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc trong luật quốc tế đương đại đã bị giới hạn bởi các nguyên tắc toàn vẹn lãnh thổ, bất khả xâm phạm biên giới và nhân quyền (quyền con người). Tại sao vậy? Vì ở các quốc gia dân chủ, quyền tự quyết được thực hiện trước hết trong phạm vi biên giới quốc gia, dưới các hình thức như quyền tự chủ (autonomy) về văn hóa dân tộc, lãnh thổ, và hình thức nhà nước [14], hay tự chủ về hệ thống chính quyền [15], phù hợp với nguyên tắc quyền tự quyết còn được hiểu là trước khi đòi tách độc lập, cần vận dụng mọi cách thức có thể để đạt được mục đích chính trị [16].

Nếu như quyền tự quyết được đảm bảo bởi chính phủ trung ương, thì phần lãnh thổ đòi tách độc lập và tiến hành đấu tranh vì độc lập sẽ

đồng thời vi phạm các nguyên tắc: quyền tự quyết, toàn vẹn lãnh thổ và bất khả xâm phạm biên giới quốc gia. Chính sự mâu thuẫn với luật quốc tế như vậy nên trong trường hợp này hành vi công nhận từ các quốc gia thứ ba có vai trò quan trọng, chứ không phải là sự kiện kết thúc hay chưa kết thúc cuộc chiến. Như vậy, trong luật quốc tế đương đại, tiêu chí công nhận trước từ mẫu quốc và tiêu chí kết thúc cuộc đấu tranh giành độc lập không có ý nghĩa pháp lý.

Một số tác giả khác đã viện dẫn một vài tiêu chí khác để biện minh cho hành vi công nhận sớm. Ví dụ, hành vi công nhận của Hoa Kỳ và các nước EU đối với Croatia, Bosnia và Herzegovina là hành vi công nhận sớm, vì tại thời điểm công nhận, các quốc gia này không kiểm soát được phần lớn lãnh thổ của mình [17; 2]; hoặc hành vi công nhận Bosnia và Herzegovina không đáp ứng tiêu chí hiệu quả (efficiency criterion), thể hiện sự thiếu công bằng và không phù hợp với thực tiễn quốc gia [18].

Tiêu chí hiệu quả đã hiện diện trong luật quốc tế hiện đại như là quy phạm tập quán, được chấp nhận chung [19], tuy nhiên việc áp dụng tiêu chí này trong thực tiễn là không nhất quán, phụ thuộc vào đặc điểm của từng trường hợp cụ thể. Vì vậy, không thể khẳng định chắc chắn rằng tiêu chí này là tiêu chí pháp lý bắt buộc khi công nhận quốc gia mới.

Thật khó để nói rằng trong luật quốc tế đã quy định các tiêu chí công nhận quốc gia, mặc dù đã có công trình ghi nhận sự tồn tại của các tiêu chí như vậy [20] hoặc đã cố gắng để xây dựng các tiêu chí đó trong thực tiễn [19], tuy nhiên đến nay chủ đề này đang còn tiếp tục tranh luận trong luật quốc tế đương đại. Ví dụ như, i) sử dụng các dấu hiệu cấu thành quốc gia trong Công ước năm 1933 làm tiêu chí công nhận quốc gia mới [21]; ii) thế kỷ XX đã áp dụng các tiêu chí truyền thống của quốc gia để công nhận quốc gia mới [1]; iii) các tiêu chí công nhận không mở rộng hơn các yêu cầu “sine qua non”¹² để công nhận trong thực tiễn [22]. Tuy nhiên, có ý kiến bình luận rằng các dấu hiệu nói trên không phải là không đầy đủ và cũng không phải là không bất biến [2].

Đại hội đồng LHQ đã được đề nghị thông qua Tuyên bố với nội dung cần liệt kê các đặc điểm cần có của một quốc gia và chỉ rõ rằng một thực thể chính trị bất kỳ cần hội tụ đủ các đặc điểm đó trước khi được công nhận là quốc gia. Tuy nhiên, đề nghị đó đã không trở thành hiện thực, điều đó đã minh chứng rằng các quốc gia đã không muốn ghi nhận các tiêu chí này như là quy phạm tập quán của luật quốc tế.

Trong khi còn thiếu một văn bản pháp lý quốc tế quy định các tiêu chí công nhận quốc gia [13] và chưa có một tổ chức quốc tế được trao quyền thực hiện hành vi công nhận tập thể, thì việc thiết lập tiêu chí xét về phương diện luật quốc tế là hoàn toàn thuộc thẩm quyền của các quốc gia công nhận [23]. Đó là nguyên do dẫn đến việc áp dụng các tiêu chí công nhận quốc gia trong thực tiễn là không giống nhau, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể và lợi ích chính trị của quốc gia công nhận.

Đến nay, chế định công nhận trong luật quốc tế chưa được hệ thống hóa, còn các tiêu chí mà các quốc gia công nhận đã áp dụng trong thực tiễn là rất đa dạng, điều này cũng phù hợp với nhận xét của Báo cáo viên đặc biệt của Ủy ban luật quốc tế về các hành vi đơn phương (của quốc gia) là “các tiêu chí cụ thể không thích ứng cho hành vi công nhận” [24].

Việc không có các tiêu chí công nhận đã lý giải cho đặc điểm tùy nghi¹³ (*discretionary*) của hành vi công nhận. Luật gia-luật quốc tế người Anh đã nhấn mạnh rằng công nhận như là một hành vi công pháp, là hành vi tùy nghi và hành vi chính trị [25]. Tính tùy nghi của hành vi công nhận được thể hiện bằng sự thiếu trách nhiệm trong cả hành vi công nhận và tiêu chí công nhận, là hành vi chính trị, tự do, tùy nghi của

¹² “sine qua non” có thể hiểu là điều kiện mà nếu thiếu nó sẽ không có kết quả (nhân-quả), lý thuyết về “sine qua non” đặc biệt có ý nghĩa trong pháp luật hình sự.

¹³ Quy phạm tùy nghi (*dispositive norm of law; dispositivus*) là các quy phạm được áp dụng khi chưa có văn bản quy định thành văn trước đó (ví dụ, Điều 15 Công ước về Luật biển 1982 quy định việc áp dụng đường trung tuyến để xác định ranh giới lãnh hải, khi giữa các quốc gia chưa có văn bản thỏa thuận về điều đó). Đọc thêm: Lê Văn Bình, *Tiêm cận các quy phạm luật quốc tế*. Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, Kinh tế-Luật, Số 24 (2008), tr.93-101.

quốc gia và trước hết là phục vụ cho chính lợi ích chính trị của quốc gia công nhận.

Việc nghiên cứu và soạn thảo các tiêu chí phổ quát đã được thực hiện khi công nhận các quốc gia được hình thành trên lãnh thổ của Nam Tư và Liên Xô (cũ). Các tiêu chí phổ quát bao gồm: i) mức độ phát triển của nền dân chủ; ii) quan hệ với dân tộc thiểu số trên cùng lãnh thổ; iii) không sử dụng thực tiễn của chủ nghĩa khủng bố; iv) tỷ lệ xác định trong tương quan giữa dân tộc chiếm đa số dân số và dân tộc thiểu số; v) kết quả trung cầu ý dân và tiềm năng kinh tế cho cuộc sống độc lập của thực thể đó. Ngày 16/12/1991, Cộng đồng châu Âu đã thông qua Tuyên bố¹⁴ về các nguyên tắc cơ bản để công nhận các quốc gia mới ở Đông Âu và Liên Xô. Văn bản có tính khu vực này quy định rằng các quốc gia có ý định thực hiện hành vi công nhận cần tuân thủ các điều kiện dưới đây:

- Tôn trọng Hiến chương LHQ và các cam kết đã được thông qua tại Hội nghị Helsinki (Phần Lan) về an ninh và hợp tác châu Âu năm 1975¹⁵ và Hiến chương Paris về một châu Âu mới năm 1990, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến tính tối cao của pháp luật, dân chủ và nhân quyền (quyền con người);

- Bảo đảm sự tuân thủ quyền của các dân tộc, dân tộc thiểu số phù hợp với các cam kết đã được thông qua trong khuôn khổ của OSCE;

- Tôn trọng sự bất khả xâm phạm biên giới, biên giới chỉ có thể được thay đổi bằng biện pháp hòa bình theo thoả thuận của các bên liên quan;

- Thông qua các cam kết trong lĩnh vực giải trừ quân bị, không phổ biến vũ khí hạt nhân, an ninh và ổn định khu vực;

- Giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến kế thừa và tranh chấp khu vực thông qua ký kết các điều ước quốc tế [18].

Chúng tôi cho rằng các tiêu chí nói trên đã thể hiện được nội dung các nguyên tắc của luật quốc tế đã được công nhận chung và do đó về phạm vi áp dụng nên là phổ quát, không nhất thiết phải giới hạn phạm vi chỉ áp dụng tại châu Âu, mà có thể được mở rộng đến nhiều khu vực khác nhau trên thế giới.

Việc còn thiếu các tiêu chí chung để áp dụng khi công nhận quốc gia đã dẫn đến việc áp dụng tự ý. Tự do và các lợi ích chính trị của quốc gia công nhận có thể chỉ được giới hạn bằng một yêu cầu bắt buộc khi công nhận là cần tuân thủ các quy phạm có tính chất mệnh lệnh (Jus cogens¹⁶) của luật quốc tế.

Trong kết luận số 10 của Hội đồng trọng tài của Hội nghị Hòa bình về Nam Tư (cũ) đã ghi nhận rằng công nhận là hành vi tùy nghi, các quốc gia khác nhau có thể thực hiện vào thời điểm mà họ tự lựa chọn, với hình thức mà họ muốn, mà không cần tuân thủ bất kỳ một điều

¹⁴ <http://www.memo.ru/hr/refer/ats/selfdet/CHAPTER22.HTM> //

¹⁵ Ngày 01/8/1975, Định ước an ninh và hợp tác châu Âu được ký tại Helsinki (Final Act of the Conference on Security and Cooperation in Europe or Helsinki Final Act), thủ đô của Phần Lan, với sự tham dự của 33 quốc gia châu Âu có thể chế chính trị khác nhau cùng Mỹ và Canada. Định ước xác nhận quyền bình đẳng của các quốc gia, không dùng vũ lực, không xâm lấn lãnh thổ, giải quyết hòa bình các cuộc xung đột, không can thiệp vào nội bộ của nhau, tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, quyền dân tộc tự quyết, hợp tác trên cơ sở nhu cầu chính đáng của mọi dân tộc.

¹⁶ Theo Điều 53 Công ước Viên 1969 thì Jus cogens là quy phạm chung, được cộng đồng quốc tế công nhận, thông qua và áp dụng, không một (hoặc một nhóm) quốc gia nào có quyền thay đổi (hoặc chỉ thay đổi bằng quy phạm có tính chất tương tự). Vì nó đảm bảo lợi ích chung của cộng đồng nên khi vi phạm Jus cogens có thể sẽ gây thiệt hại về quyền và lợi ích của các quốc gia khác nhau trên thế giới, Jus cogens có hiệu lực pháp lý cao nhất nên các điều ước quốc tế khi ký kết không được trái với các quy phạm này. Xem thêm: Тункин Г.И. Теория международного права, -М.,1970, с.168-183; Sztucki. Jus Cogens and the Vienna Convention on the Law of Treaties: A Critical Appraisal. 1974; Rozakis. The Concept of Jus Cogens in the Law of Treaties. 1976; Gomez Robledo. Le jus cogens international: sa nature, ses fonctions//Recueil de s cours. 1981. Vol.172. P.9-217; Alexidze L.A. Legal Nature of Jus Cogens in Contemporary International Law// Recueil des cours. 1981. Vol.172. P.219-270; Gaja. Jus Cogens Beyond the Vienna Convention// P.271-316; Danilenko G.M. International Jus Cogens: Issues of Law-making//European Journal of International Law. 1991. Vol.2.P.42.

kiện nào, có thể chỉ có một ngoại trừ là tôn trọng các quy phạm chung có tính chất mệnh lệnh¹⁷ của luật quốc tế.

Để phù hợp với luật quốc tế, tiêu chí công nhận cần có ý nghĩa kép: *một là*, khi công nhận không được đưa ra yêu cầu trái luật quốc tế [24]; *hai là*, mục đích của hành vi công nhận phải hợp pháp [26], yêu cầu này chính là điều kiện có hiệu lực cho mọi hành vi pháp lý, bao gồm cả hành vi công nhận.

Dựa vào tiêu chí phù hợp với luật pháp quốc tế, Hội đồng Bảo an LHQ đã thông qua Nghị quyết kêu gọi không công nhận đối với các dân tộc: Nam Rhodesia (1965) vì được thành lập vi phạm các nguyên tắc quyền bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết; Bắc Síp (Northern Cyprus, 1983)¹⁸ vì vi phạm nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ quốc gia khác; và Iraq (xâm chiếm Kuwait) vì vi phạm nguyên tắc không sử dụng và đe dọa sử dụng vũ lực (1990) [27].

Tiêu chí công nhận và thời điểm công nhận là hai khái niệm khác nhau, tiêu chí công nhận kịp thời có thể chỉ mang tính chính trị, vì trong luật quốc tế chưa quy định các tiêu chí này là tiêu chí bắt buộc khi công nhận. Như vậy, việc áp dụng thuật ngữ công nhận sớm trong án phẩm pháp lý quốc tế đương đại là vô căn cứ và làm phức tạp thêm cho chế định công nhận của luật quốc tế.

Đàm luận về việc có thể rút lại hành vi công nhận đơn phương hay không, đây là vấn đề đang còn nhiều ý kiến khác nhau. Ví dụ, trường hợp Biafra¹⁹, đây là quốc gia đã được công

nhận nhưng đã bị mất các dấu hiệu cấu thành quốc gia vì chính phủ trung ương đã khôi phục lại quyền kiểm soát Biafra. Về trường hợp này, có ý kiến cho rằng hành vi công nhận sẽ không còn hiệu lực vì yếu tố lãnh thổ đã “biến mất” so với thời điểm công nhận; quan điểm khác lại lập luận rằng, hiệu lực của hành vi công nhận không thể tự động chấm dứt kể cả khi “biến mất” các yếu tố cấu thành quốc gia, bởi vì thực tiễn đã minh chứng hành vi công nhận vẫn tiếp tục có hiệu lực đối với nhiều chính phủ lưu vong, các thực thể này không sở hữu những yếu tố cho sự tồn tại của mình [28].

Vì vậy, việc rút lại hành vi công nhận sẽ do chính quốc gia công nhận quyết định. Theo nguyên tắc chung, trong ba hình thức công nhận (de jure; de facto; và ad hoc), công nhận *de jure* là không thể rút lại vì đó là công nhận pháp lý²⁰. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp ngoại lệ khi quốc gia công nhận “thu hồi” hành vi công nhận của mình trên cơ sở reservation-bảo lưu [29] *rebus sic standibus* (là một ngoại lệ của pacta sunt servanda)²¹. Đồng thời, quốc gia công nhận

²⁰ Công nhận de jure được thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà nước, chẳng hạn như Tuyên bố về thiết lập quan hệ ngoại giao, đây là một hình thức cổ điển của công nhận quốc gia, là công nhận pháp lý, thể hiện cấp độ quan hệ ngoại giao đầy đủ và toàn diện nhất, thiết lập các quan hệ với chủ thể được công nhận về ngoại giao, lãnh sự và các quan hệ chính thức khác (kinh tế, văn hóa v.v...).

²¹ Theo Công ước năm 1969 về luật điều ước quốc tế, điều 62 quy định về sự thay đổi cơ bản hoàn cảnh: 1) Một sự thay đổi cơ bản hoàn cảnh so với hoàn cảnh đã tồn tại vào thời điểm ký kết điều ước và không được các bên dự kiến không thể được nêu lên làm lý do để chấm dứt hoặc rút khỏi điều ước trừ khi: i) sự tồn tại của hoàn cảnh đó là cơ sở chủ yếu của sự đồng ý của các bên chịu sự ràng buộc về điều ước; và ii) sự thay đổi đó làm biến đổi một cách cơ bản phạm vi những nghĩa vụ mà các bên vẫn còn phải thi hành theo điều ước; 2) Một sự thay đổi cơ bản hoàn cảnh sẽ không thể được nêu lên làm lý do để chấm dứt hoặc rút khỏi một điều ước: i) nếu đó là một điều ước quy định về đường biên giới; hoặc ii) nếu sự thay đổi cơ bản là kết quả của một sự vi phạm của chính bên nêu lên nó, đối với một nghĩa vụ phát sinh từ điều ước hoặc tất cả những nghĩa vụ quốc tế khác đối với bất kỳ bên nào tham gia điều ước; 3) Theo quy định của những khoản trên đây, khi một trong các bên có thể nêu lên một sự thay đổi cơ bản các hoàn cảnh như là lý do để chấm dứt hoặc rút khỏi điều ước, sẽ cũng có thể nêu lên sự thay đổi đó như là lý do để tạm đình chỉ việc thi hành điều ước.

¹⁷ Đó là hệ thống các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, là các quy phạm bắt buộc chung, là chuẩn mực để các chủ thể luật quốc tế hợp tác quốc tế hoặc giải quyết các vấn đề quốc tế.

¹⁸ Chỉ được Thổ Nhĩ Kỳ và Abkhazia công nhận. <https://ru.wikipedia.org/>

¹⁹ Republic of Biafra nằm ở phần đông nam Nigeria, tồn tại từ ngày 30/5/1967 (ngày tuyên bố độc lập) cho đến ngày 15/01/1970. Chính phủ Biafra không được LHQ công nhận, nhưng được các quốc gia công nhận: Gabon, Haiti, Bờ Biển Ngà, Tanzania và Zambia. <http://www.africafederation.net/Biafra.htm>; <https://ru.wikipedia.org/wiki/%D0%91%D0%B8%D0%B0%D1%84%D1%80%D0%B0>

cũng không bắt buộc phải “thu hồi” hành vi công nhận của mình trong trường hợp nếu họ cho rằng quốc gia mới được thành lập phù hợp với luật quốc tế và việc kiểm soát lại lãnh thổ đã ly khai-độc lập là bất hợp pháp.

Như vậy, đối với các quốc gia được thành lập vi phạm luật quốc tế, ví dụ như nhà nước tự xưng Islamic State (IS) thì hành vi công nhận họ được coi là bất hợp pháp và sẽ không làm phát sinh hậu quả pháp lý quốc tế, do đó về phương diện pháp lý không cần thiết phải “rút lại” hành vi công nhận²².

3. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu chế định công nhận trong luật quốc tế và trên cơ sở các phân tích nói trên cho phép chúng tôi rút ra một số kết luận và kiến nghị sau đây:

Một là, hành vi công nhận là một sự kiện pháp lý, quốc gia công nhận muốn thể hiện sự tôn trọng chủ quyền và độc lập đối với quốc gia được công nhận, trao đổi với họ các quan hệ pháp lý quốc tế nói chung và ngoại giao nói riêng; thông qua sự kiện này mà luật quốc tế sẽ tham gia điều chỉnh về các vấn đề liên quan đến sự xuất hiện, thay đổi và chấm dứt các quan hệ pháp lý quốc tế;

Hai là, nếu xét từ quan điểm pháp lý việc sử dụng thuật ngữ công nhận sớm trong khoa học pháp lý quốc tế đương đại là vô căn cứ, vì không có các tiêu chí làm cơ sở để có thể xác định tính kịp thời của hành vi công nhận này;

Ba là, tiêu chí duy nhất và bắt buộc đối với quốc gia công nhận là phù hợp với luật quốc tế; với điều kiện tuân thủ tiêu chí này thì thời điểm thực hiện hành vi công nhận không còn được coi là công nhận sớm theo ý nghĩa pháp lý của hành vi này, còn trong trường hợp không tuân thủ tiêu chí này thì không thể được coi là hành vi công nhận sớm vì trái luật;

Bốn là, trong một số trường hợp, hành vi công nhận có thể là bất hợp pháp, gây ra sự phản đối của các quốc gia nói riêng và của cộng đồng quốc tế nói chung;

Năm là, một thực thể được thành lập không trái với luật quốc tế, pháp luật nên có quy định rằng thực thể đó cần được công nhận trước hết từ các cường quốc, đặc biệt từ các thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an LHQ và từ chính LHQ, cũng như việc thu nhận họ vào thành viên LHQ, điều đó là rất cần thiết và là điều kiện cho việc công nhận phổ quát thực thể đó trên trường quốc tế;

Sáu là, Ủy ban Luật quốc tế LHQ nên nghiên cứu để hệ thống hóa và pháp điển hóa chế định công nhận trong luật quốc tế, vì lãnh thổ ly khai hay tự xưng vẫn tiếp tục phát sinh và tồn tại, quan hệ giữa các quốc gia luôn có ý nghĩa then chốt trong giải quyết các vấn đề toàn cầu, thì chế định công nhận vẫn bảo tồn được tính thời sự-cấp thiết của mình.

Tài liệu tham khảo

- [1] R. Rich, Recognition of States: the collapse of Yugoslavia and the Soviet Union, European Journal of International Law. 1993. V.4. N.1. P.36-65.
- [2] M. Shaw, International Law, Cambridge, 2003.
- [3] Galette de. Luật quốc tế, St. Petersburg, 1860.
- [4] F. Liszt, Luật quốc tế, Riga, 1923.
- [5] F.F. Martens, Luật quốc tế hiện đại của các quốc gia văn minh, Tập 1, St. Petersburg, 1904.
- [6] D. Anzilotti, Khóa học Luật quốc tế, Matxcova, 1961.
- [7] L. Oppenheim, Luật quốc tế, Tập 1. Matxcova, 1948.
- [8] A. Verdross, Luật quốc tế, Matxcova, 1959.
- [9] L.A. Modzhoryan, Ý nghĩa của sự công nhận quốc gia và chính phủ trong giai đoạn hiện nay, Các vấn đề lý luận và thực tiễn của Luật pháp quốc tế đương đại, Số 3 (1960).
- [10] K.N. Brutents, Thuộc địa và chính sách thuộc địa, Matxcova, 1973.
- [11] Ch.Ch. Hyde, Luật quốc tế, giải thích và áp dụng của Hoa Kỳ, Tập 1. Matxcova, 1950.

²² Tìm đọc thêm về mặt lý luận: I. Brownlie, Luật quốc tế. Tập. 2. M., 1977.

- [12] Tuyên bố trao độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa được Đại hội đồng LHQ thông qua bằng Nghị quyết số 1514 (XV) ngày 14/12/1960.
- [13] D.I. Feldman, Công nhận quốc gia trong Luật quốc tế hiện đại, Kazan, 1965.
- [14] G. Starushenko, TỰ QUYẾT MÀ KHÔNG LY KHAI, Vấn đề quốc tế, Số 1 (1993).
- [15] P. Kende, TỰ QUYẾT Ở ĐÔNG ÂU: HÔM QUA VÀ NGÀY NAY, Niên giám châu Âu, 2003, Phát hành lần 1, Matxcova, 2003.
- [16] M.D. Smyslov, Bảo vệ pháp lý quốc tế đối với các dân tộc thiểu số, Tạp chí luật quốc tế, Matxcova, 2003, Số 1.
- [17] A. Dragnich, The West's mismanagement of the Yugoslav crisis. World Affairs. Fall, 1993.
- [18] D. Turk, Recognition of States: a comment. European Journal of International Law, 1993. V.4. N 1.
- [19] F.R. Gasimov, Công nhận quốc gia và chính phủ, Lý luận và thực tiễn pháp lý quốc tế hiện đại, Matxcova, 2005.
- [20] D.I. Feldman, Công nhận trong luật quốc tế hiện đại, Công nhận các quốc gia mới và chính phủ mới, Matxcova, 1975.
- [21] Montevideo Convention on the Rights and Duties of States, signed at Montevideo, 26 Dec., 1933. Organization of American States.
- [22] D. Ijalaye, Was «Biafra» at any time a state in international law? American Journal of International Law, 1971. V. 65. N 3. P.551-559.
- [23] M.M. Avakov, Tập bài giảng về Luật quốc tế, Tập 3, Những chế định cơ bản của luật quốc tế, Matxcova, 1990.
- [24] Báo cáo lần thứ sáu về các hành vi đơn phương của quốc gia, document United Nations A/CN.4/534. Geneva, UN, 2003.
- [25] I. Brownlie, Luật quốc tế, Tập 2. Matxcova, 1977.
- [26] R.A. Kalamkaryan, Giá trị pháp lý quốc tế của các hành vi pháp lý đơn phương của các quốc gia, Matxcova, 1984.
- [27] Nghị quyết số 216 (1965) ngày 12/11/1965, document United Nations S/RES/216(1965); Nghị quyết số 541 (1983) ngày 18/11/1983, document United Nations S/RES/541(1983); Nghị quyết số 662 (1990) ngày 09/8/1990, document United Nations S/RES/662(1990).
- [28] M.I. Lazarev, Vấn đề về sự công nhận trong luật quốc tế, Nhà nước và Pháp luật Xô Viết, 1948 Số 8.
- [29] Lê Văn Bình, Bảo lưu và tuyên bố trong điều ước quốc tế, Tạp chí Khoa học Kinh tế - Luật ĐHQG Hà Nội, 2007(T.XXIII, №3, tr. 34-43)

Institute of Recognition in International Law

Lê Văn Bình, Phan Văn Mạnh

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: This article will analyze and comment on the following issues: i) entities that violates international law norms and principles in their establishment; ii) an entity that receives international accreditation when it is established in accordance with principles and norms of international law; iii) when a breakaway or self-proclaimed territory that appears in the territory of one country under any form, that country has the right to remove such entity for having infringed the principle of integrity national territory. This is always a problem of urgency that needs to be researched, especially today, with the appearance of breakaway and self-proclaimed Islamic State (IS) that opposes to the international law provisions.

Keywords: Statutory recognition, recognition of State, early recognition, late recognition, recognition criteria.